

Số: **1709** /BNN-TT  
V/v: hướng dẫn đánh giá phân loại  
vườn cà phê.

Hà Nội, ngày **17** tháng 6 năm 2011

Kính gửi: Tổng Công ty Cà phê Việt Nam

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 10/03/2011 về việc thí điểm kiểm kê và đánh giá lại tài sản của một số doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ tại thời điểm 0 giờ ngày 01/7/2011, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn phân loại vườn cà phê là cơ sở để xác định giá trị vườn cà phê như sau:

## **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

### **1. Đối tượng áp dụng**

Doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh cà phê do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có vườn cà phê thuộc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam.

### **2. Phạm vi điều chỉnh**

Phạm vi tiến hành đánh giá phân loại vườn cây bao gồm: vườn cà phê kiến thiết cơ bản và vườn cà phê đang sản xuất kinh doanh trên 2 loại cà phê vối và cà phê chè.

## **II. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI TIÊU CHUẨN CÂY VÀ VƯỜN CÀ PHÊ**

### **1. Tiêu chí phân loại vườn cà phê vối**

1.1. Đối với cà phê chăm sóc kiến thiết cơ bản (áp dụng cho vườn cà phê trồng bằng dòng vô tính mới chọn lọc)

Tiêu chí phân loại vườn cà phê thời kỳ kiến thiết cơ bản bao gồm tiêu chuẩn cây và tiêu chuẩn vườn.

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê trong vườn

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Chiều cao cây  $\geq 50$  cm, đường kính gốc  $\geq 8$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 3$ , lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, không bị sâu bệnh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

+ Năm chăm sóc 1:

Chiều cao cây  $\geq 1,0$  m, đường kính gốc  $\geq 25$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 12$ , đường kính tán  $\geq 1,4$  m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

+ Năm chăm sóc 2:

Chiều cao cây  $\geq 1,2$  m, số cặp cành cấp I  $\geq 18$ , đường kính tán  $\geq 1,8$  m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, tán không bị trống phía dưới, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Chiều cao cây 35 - < 50 cm, đường kính gốc  $\geq 6$  mm, số cặp cành cấp I < 3, cặp lá thật  $\geq 6$ , màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, không bị sâu bệnh.

+ Năm chăm sóc 1:

Chiều cao cây  $\geq 80$  cm, đường kính gốc  $\geq 16$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 10$ , đường kính tán  $\geq 1,2$  m, màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, có thể bị sâu bệnh nhẹ.

+ Năm chăm sóc 2:

Chiều cao cây  $\geq 1,1$  m, số cặp cành cấp I  $\geq 12$ , đường kính tán  $\geq 1,4$  m, màu sắc lá xanh đậm, sâu bệnh nhẹ.

- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê kiến thiết cơ bản

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 95\%$ , cây loại A  $\geq 90\%$ , cây loại B 5 - 10%, cây loại C < 5%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

+ Năm chăm sóc 1:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C < 10%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 80\%$ .

+ Năm chăm sóc 2:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C < 10%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 80\%$ .

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 60\%$ , cây loại B  $\geq 20\%$ , cây loại C < 20%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

+ Năm chăm sóc 1:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C < 20%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 80\%$ .

+ Năm chăm sóc 2:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C < 20%, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 80\%$ .

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

1.2. Đối với cà phê vối kinh doanh (áp dụng cho vườn cà phê trồng bằng dòng vô tính mới chọn lọc)

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Cây sinh trưởng khoẻ, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, cây không bị khuyết tán;

+ Lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại, không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể;

+ Năng suất quả tươi trung bình/cây  $\geq 12$  kg.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Cây sinh trưởng bình thường, ít sâu bệnh, cành dự trữ khá, tán cây phân bố tương đối đều, độ che phủ đất không đều, chưa đạt yêu cầu như cây loại A.

+ Màu sắc lá hơi vàng biểu hiện thiếu dinh dưỡng, ít sâu bệnh;



- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C  $<10\%$ ;

+ Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ ;

+ Năng suất quả tươi  $\geq 12,5$  tấn/ha.

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ lệ cây sống  $\geq 85\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C  $<20\%$ ;

+ Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ ;

+ Năng suất quả tươi  $\geq 9$  tấn/ha.

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

1.3. Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê kinh doanh (áp dụng cho vườn cà phê trồng bằng giống cũ)

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Cây sinh trưởng khỏe, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, tạo hình và nuôi chồi hợp lý;

+ Lá xanh đậm không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể;

+ Năng suất quả tươi/cây  $\geq 11$  kg.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Cây sinh trưởng bình thường, ít sâu bệnh, cành dự trữ khá, tán cây phân bố tương đối đều, độ che phủ đất không đều, chưa đạt yêu cầu như cây loại A.

+ Màu sắc lá hơi vàng biểu hiện thiếu dinh dưỡng, ít sâu bệnh;

+ Năng suất quả tươi  $\geq 8$  kg/cây.

- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C  $<10\%$ ;

+ Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 70\%$ ;

+ Năng suất quả tươi  $\geq 11$  tấn/ha.

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Tỷ lệ cây sống  $\geq 85\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C  $<20\%$ ;

+ Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình 50 - 70%;

+ Năng suất quả tươi  $\geq 8$  tấn/ha.

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của 2 loại vườn cây trên.

2. Tiêu chí phân loại vườn cà phê chè (áp dụng cho giống cà phê chè

Catimor)

2.1. Đối với cà phê kiến thiết cơ bản

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Chiều cao cây  $\geq 30$  cm, đường kính gốc  $\geq 15$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 3$ , lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, không bị sâu bệnh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

+ Năm chăm sóc 1:

Chiều cao cây  $\geq 70$  cm, đường kính gốc  $\geq 20$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 12$ , đường kính tán  $\geq 80$  cm, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

+ Năm chăm sóc 2:



Chiều cao cây  $\geq 1,3$  m, số cặp cành cấp I  $\geq 25$ , đường kính tán  $\geq 1,2$  m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, tán không bị trống phía dưới, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Chiều cao cây  $\geq 20$  cm, số cặp cành cấp I  $\geq 3$ , màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, không bị sâu bệnh.

+ Năm chăm sóc 1:

Chiều cao cây  $\geq 50$  cm, đường kính gốc  $\geq 15$  mm, số cặp cành cấp I  $\geq 9$ , đường kính tán  $\geq 60$  cm, màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, có thể bị sâu bệnh nhẹ.

+ Năm chăm sóc 2:

Chiều cao cây  $\geq 1$  m, số cặp cành cấp I  $\geq 20$ , đường kính tán  $\geq 1$  m, màu sắc lá xanh đậm, có thể khuyết tán hoặc bị trống phía dưới 30 - 40 cm, sâu bệnh nhẹ.

- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 95\%$ , cây loại A  $\geq 90\%$ , cây loại B 5 - 10%, cây loại C  $< 5\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 95\%$ .

+ Năm chăm sóc 1:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C  $< 10\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

+ Năm chăm sóc 2:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C  $< 10\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 60\%$ , cây loại B  $\geq 20\%$ , cây loại C  $< 20\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 95\%$ .

+ Năm chăm sóc 1:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 80\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C  $< 20\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

+ Năm chăm sóc 2:

Tỷ lệ cây sống  $\geq 80\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C  $< 20\%$ , cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ .

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

## 2.2. Đối với cà phê chè kinh doanh

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Cây sinh trưởng khỏe, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, tạo hình và nuôi chồi hợp lý;

+ Lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.

+ Năng suất  $\geq 3$  kg quả tươi/cây.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:



- + Sinh trưởng bình thường, cành dự trữ ít, nuôi chồi không hợp lý, khuyết tán hoặc quá nhiều thân, cành cấp I gầy yếu, lá trên cành tơ rụng 1/3 - 2/3;
- + Màu sắc lá biểu hiện thiếu dinh dưỡng, bị sâu bệnh làm ảnh hưởng;
- + Năng suất  $\geq 2$  kg quả tươi/cây.
- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

#### b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

- + Tỷ lệ cây sống  $\geq 90\%$ , cây loại A  $\geq 65\%$ , cây loại B  $\geq 25\%$ , cây loại C  $< 10\%$ ;
- + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ ;
- + Năng suất quả tươi  $\geq 15$  tấn/ha.

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

- + Tỷ lệ cây sống 85 -  $< 90\%$ , cây loại A  $\geq 50\%$ , cây loại B  $\geq 30\%$ , cây loại C  $< 20\%$ ;
- + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình  $\geq 90\%$ ;
- + Năng suất quả tươi  $\geq 10$  tấn/ha.

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

### 3. Cách đánh giá năng suất và chất lượng vườn cây

- Thời điểm điều tra đánh giá tốt nhất là trong giai đoạn vườn cà phê đã chín  $> 10\%$ ; điều tra tối thiểu 30% số cây/ha (cứ 3 hàng cà phê thì đánh giá 1 hàng) để tính năng suất cho toàn lô, trong số 30% cây được đánh giá thu hoạch toàn bộ 5 cây cho mỗi loại (A, B, C) để cân và kiểm chứng. Trường hợp vườn cây chưa vào thời điểm quả chín 10% thì đếm số quả/chùm, chùm/cành và cành quả/cây để tính năng suất.

- Đối với tỷ lệ cây sống, phải đếm toàn bộ số lượng cây chết/lô để tính %.

- Đối với cà phê kiến thiết cơ bản điều tra tối thiểu 30% số cây/ha (cứ 3 hàng cà phê thì đánh giá 1 hàng) để tính tỷ lệ cây loại A, B, C cho toàn lô.

### 4. Hệ số phân loại vườn cà phê

4.1. Tổng hợp phân loại vườn cây cà phê thời kỳ kiến thiết cơ bản cà phê vối và cà phê chè

- a) Loại 1: tiêu chuẩn cây loại A cộng với tiêu chuẩn vườn loại A (hệ số 1,2);
- b) Loại 2: tiêu chuẩn cây loại B cộng với tiêu chuẩn vườn loại B (hệ số 1,0);
- c) Loại 3: tiêu chuẩn cây loại C cộng với tiêu chuẩn vườn loại C (hệ số 0,8);

4.2. Tổng hợp phân loại vườn cây cà phê vối và cà phê chè kinh doanh

- a) Loại 1: tiêu chuẩn cây loại A cộng với tiêu chuẩn vườn loại A (hệ số 1,2);
- b) Loại 2: tiêu chuẩn cây loại B cộng với tiêu chuẩn vườn loại B (hệ số 1,0);
- c) Loại 3: tiêu chuẩn cây loại C cộng với tiêu chuẩn vườn loại C (hệ số 0,8);

4.3. Hệ số chu kỳ khai thác vườn cây

a) Hệ số chu kỳ khai thác vườn cà phê vối (30 năm)

- Từ năm thứ nhất đến năm thứ 5 và năm thứ 26 đến năm thứ 30: hệ số 1,0;
- Từ năm thứ 6 đến năm thứ 10 và năm thứ 21 đến năm thứ 25: hệ số 1,1;
- Từ năm thứ 11 đến năm thứ 20 hệ số 1,3.

b) Hệ số chu kỳ khai thác vườn cà phê chè (20 năm)

- Từ năm thứ nhất đến năm thứ 4 và năm thứ 17 đến năm thứ 20: hệ số 1,0;
- Từ năm thứ 5 đến năm thứ 7 và năm thứ 13 đến năm thứ 16: hệ số 1,1;
- Từ năm thứ 8 đến năm thứ 12 hệ số 1,2.

4.4. Hệ số khu vực

Hệ số khu vực căn cứ vào các yếu tố như khí hậu, thổ nhưỡng, giao thông (cho vận chuyển vật tư, sản phẩm đến cơ sở chế biến, tiêu thụ), thủy lợi phục vụ tưới tiêu, được chia ra làm 3 khu vực:



Khu vực I: hệ số 1,2; điều kiện khí hậu, đất đai, giao thông thuận lợi, chủ động nguồn nước tưới > 80%.

Khu vực II: hệ số 1,0; điều kiện khí hậu, đất đai, giao thông thuận lợi, chủ động nguồn nước tưới 50 - 80%.

Khu vực III: hệ số 0,8, điều kiện đất đai, khí hậu giao thông thuận lợi, chủ động nguồn nước tưới < 50%.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Để thực hiện việc phân loại vườn cà phê làm cơ sở cho việc xác định giá trị vườn cây cà phê, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị triển khai một số nội dung sau:

#### 1. Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê

##### 1.1. Đối với Tổng Công ty Cà phê Việt Nam

- Trưởng ban chỉ đạo: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cà phê Việt Nam;
- Phó trưởng Ban: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cà phê Việt Nam;
- Các thành viên Ban chỉ đạo gồm: Phó Tổng giám đốc; Giám đốc các công ty;

Trưởng ban Kiểm soát, Trưởng các bộ phận kế toán, kỹ thuật; Đại diện Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên thuộc Tổng Công ty.

##### 1.2. Đối với các cơ sở sản xuất thành lập Ban Kiểm kê gồm:

- Trưởng ban: Giám đốc Công ty;
- Phó trưởng Ban: Phó giám đốc Công ty;
- Các thành viên gồm: Trưởng ban Kiểm soát; Trưởng các bộ phận kế toán, kỹ thuật; Đại diện Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên; Đội trưởng đội sản xuất thuộc Công ty và đại diện công nhân có kinh nghiệm trong sản xuất cà phê.

#### 2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá giá trị vườn cây

- Trên cơ sở hướng dẫn chung của Bộ, Tổng Công ty Cà phê Việt Nam tiến hành hướng dẫn các công ty, cơ sở sản xuất thành lập hội đồng định giá cơ sở thực hiện phân loại, xác định giá trị vườn cà phê.

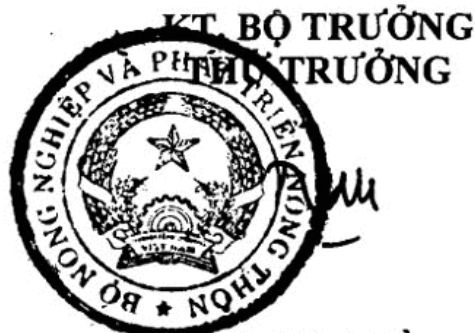
- Kiểm tra, đánh giá, phân loại chất lượng vườn cây đã giao khoán và chưa giao khoán thuộc công ty, cơ sở sản xuất;

- Kết quả kiểm tra, đánh giá, phân loại chất lượng vườn cây được tổng hợp và đối chiếu theo sổ sách kế toán đã theo dõi; Trong trường hợp có sự sai khác (về năm trồng, diện tích, loại giống cà phê) với thực tế phải ghi rõ nguyên nhân cụ thể.

- Kiểm tra, đánh giá phải lập bảng kê chi tiết (từng loại cà phê, năm trồng, diện tích, chất lượng, hệ số phân loại vườn, hệ số khai thác vườn cây, hệ số khu vực) làm cơ sở xác định giá trị vườn cà phê, báo cáo Tổng Công ty Cà phê Việt Nam để tổng hợp trình Bộ./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Ban ĐMDN, Vụ Tài chính;
- Lưu: VT, TT.



Diệp Kinh Tân